

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/DS-ST
Ngày: 10/4/2024
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phù Thọ Bồn.
2. Bà Lê Thị Ngọc Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 3 và ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 262/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2023. về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-DS, ngày 11/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-DS, ngày 25/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T;

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, số 266-268, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc Nguyên K; chức vụ: Trưởng phòng giao dịch K – Ngân hàng TMCP T - Chi nhánh Kiên Giang; Địa chỉ: Số 16-17-18, lô L2, TTTM khu đô thị mới Ba Hòn, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà **Bùi Thị Hồng X**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu phố Kiên Tân, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

(Ông K có mặt, bà X vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng TMCP T ông Nguyễn Ngọc Nguyên K trình bày và yêu cầu như sau:

Ngân hàng TMCP T (gọi tắt là ngân hàng) có cấp tín dụng cho bà Bùi Thị Hồng X vay vốn với các điều khoản chi tiết như sau:

1/ Hợp đồng tín dụng số 00608-00330 ngày 16/9/2022 và giấy nhận nợ số 01 ngày 16/9/2022 với số tiền vay là 50.000.000 đồng.

2/ Hợp đồng tín dụng số 00608-00336 ngày 31/01/2023 và giấy nhận nợ số 01 ngày 31/01/2023 với số tiền vay là 210.000.000 đồng.

3/ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/01/2021 với số tiền vay là 50.000.000 đồng.

Biện pháp bảo đảm số tiền vay: Bằng các tài sản là Lô số 80 tại Chợ nông sản TTTM Ba Hòn theo hợp đồng về việc cho thuê mặt bằng kinh doanh tại TTTM Ba Hòn số 154/HĐ-TTTM. Lô số 65, 79, 91, 92 tại Chợ nông sản TTTM Ba Hòn theo hợp đồng về việc cho thuê mặt bằng kinh doanh tại TTTM Ba Hòn số 103/104/105/106/HĐ-TTTM.

Trong quá trình vay từ ngày giải ngân đến nay bà X đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền cả gốc và lãi các khoản như: Thẻ tín dụng ngày 18/01/2021 là 41.896.906đ; Hợp đồng tín dụng số 00608-00336 ngày 31/01/2023 là 11.296.400đ; Hợp đồng tín dụng số 00608-00330 ngày 16/9/2022 là 28.543.200đ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà X không có thiện chí trả nợ, bỏ trốn khỏi địa phương. Do bà X vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 17/5/2023, ngân hàng đã chấm dứt hợp đồng tín dụng, quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 10/4/2024, bà X còn nợ các khoản sau:

Hợp đồng tín dụng số 00608-00330 ngày 16/9/2022, tổng số tiền phải thanh toán: 38.966.172đ, trong đó nợ gốc: 26.984.000đ, nợ lãi trong hạn: 6.473.000đ, lãi quá hạn: 5.509.172đ;

Hợp đồng tín dụng số 00608-00336 ngày 31/01/2023, tổng số tiền phải thanh toán: 273.828.100đ, trong đó nợ gốc: 204.057.300đ, lãi trong hạn: 69.770.800đ;

Thẻ tín dụng ngày 18/01/2021, tổng số tiền phải thanh toán: 71.926.519đ, trong đó nợ gốc: 57.098.291đ; lãi quá hạn: 14.828.228đ.

Vì vậy, yêu cầu Tòa án buộc bà X phải trả một lần cho ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử 10/4/2024 là 384.720.791đ, trong đó: Số tiền gốc: 288.139.591đ, lãi trong hạn: 76.243.800đ, lãi quá hạn: 20.337.400đ và tiếp tục yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 11/4/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp bà X không trả được nợ thì đề nghị Tòa án cho phát mãi tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ với ngân hàng.

Bị đơn bà Bùi Thị Hồng X không còn sinh sống tại địa phương, Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng và đã được thông báo tìm kiếm bà X trên phương tiện thông tin đại chúng, đến nay cũng không nhận được tin tức gì của bà X. Tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bà X vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Vụ án còn để quá hạn so với quy định nên cần khắc phục trong thời gian tới. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bà X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn bà Bùi Thị Hồng X có nơi cư trú tại khu phố Kiên Tân, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên

Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản theo quy định của pháp luật nhưng bà X vắng mặt nhiều lần không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ kiện: Xét về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (10/4/2024) là 384.720.791đ, trong đó số tiền gốc: 288.139.591đ, lãi trong hạn: 76.243.800đ, lãi quá hạn: 20.337.400đ. Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định, bà X có ký với ngân hàng Hợp đồng tín dụng số 00608-00330 ngày 16/9/2022 và giấy nhận nợ số 01 ngày 16/9/2022. Hợp đồng tín dụng số 00608-00336 ngày 31/01/2023 và giấy nhận nợ số 01 ngày 31/01/2023, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/01/2021 với tổng số tiền bà X được ngân hàng giải ngân là 310.000.000đ. Theo bản tóm tắt sao kê do nguyên đơn cung cấp, thẻ hiện bị đơn đã được giải ngân các khoản vay, nhận được thẻ. Trong quá trình sử dụng số tiền vay, bà X đã thanh toán được cho ngân hàng tổng số tiền 81.736.506đ, trong đó số tiền gốc là 52.880.405đ và lãi là 28.856.101đ, sau đó thì ngưng cho đến nay. Do bị đơn không thanh toán đầy đủ cho ngân hàng là đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên, nên căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, ngân hàng có quyền chấm dứt việc sử dụng thẻ và hợp đồng tín dụng, buộc bị đơn phải trả nợ gốc và lãi như yêu cầu của ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp bà X không thanh toán nợ của ngân hàng, xét thấy đây là tài sản thuộc sở hữu nhà nước, bà X chỉ là người thuê mướn các lô sạp tại TTTM Ba Hòn để kinh doanh buôn bán nên không thể phát mãi các tài sản này để bảo đảm nghĩa vụ của bà X với ngân hàng. Ngân hàng có thể thỏa thuận với Ban quản lý TTTM Ba Hòn về tài sản là các lô, sạp bà X đã thế chấp với ngân hàng, vì nhà nước giao cho Ban quản lý TTTM Ba Hòn quản lý và ký kết hợp đồng thuê mướn với bà X theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà X bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải trả. Trả lại cho ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;
- Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;
- Các Điều 26, 35, 39, 144, 145, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử:

Buộc bà Bùi Thị Hồng X phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP T tổng số tiền tính đến ngày 10/4/2024 là 384.720.791 đồng, trong đó số tiền gốc: 288.139.591 đồng, lãi trong hạn: 76.243.800 đồng, lãi quá hạn: 20.337.400 đồng.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày 11/4/2024 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Không phát mãi các tài sản bảo đảm theo yêu cầu của ngân hàng. Ngân hàng có thể thỏa thuận với Ban quản lý TTTM Ba Hòn về tài sản bảo đảm là các lô, sạp chợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Bùi Thị Hồng X phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 19.236.000 đồng.

- Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.400.000 đồng theo lai thu số 0007089 ngày 11/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Ngân hàng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tãnh Kieãn Giang;
- VKSND tãnh Kieãn Giang;
- VKSND huyeãn Kieãn Lũõng;
- Chi cùc THADS huyeãn Kieãn Lũõng;
- Nhũõng ngũũũ TGTT;
- Lũũ taãp aũn, hoà sũ;

**TM. HOÃI ÑOÃNG XEÙT XÕÙ SÕ
THAÃM
THAÃM PHAÙN – CHUÙ TOÃI PHIEÃN
TOØA**